TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 08/7/2019.
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Phước Nghĩa

2. Ông Võ Thanh Bình

***Thư ký phiên toà*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **N**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Thu T**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã Mỹ Thuận, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh N và chị Huỳnh Thị Thu T tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016. Sau đó anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/01/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Đến tháng 4/2018 thì chị T bỏ đi cho đến nay, không quan tâm chăm sóc con chung và anh chị cũng ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên anh Nghĩa yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu T.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh Nghĩa và chị T có 01 người con chung là tên là Huỳnh Ngọc Mai, sinh ngày 06/12/2016. Hiện tại anh Nghĩa đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ly hôn anh Nghĩa yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị Thu T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu T. Về con chung: giao cháu Huỳnh Ngọc Mai, sinh ngày 06/12/2016 cho anh Nghĩa tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nghĩa không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: anh Nghĩa trình bày không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa anh N và chị Huỳnh Thị Thu T. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn chị Huỳnh Thị Thu T nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh N và chị Huỳnh Thị Thu T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2017. Quá trình chung sống giữa anh Nghĩa và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nay anh Nghĩa nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh Nghĩa yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của anh Nghĩa, anh và chị T chung sống với nhau nhưng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa anh Nghĩa và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh N là có cơ sở để được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh Nghĩa và chị T có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc Mai, sinh ngày 06/12/2016. Theo lời trình bày của anh Nghĩa thì từ khi chị T bỏ đi cho đến nay thì anh Nghĩa là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Mai, chị T không về thăm con lần nào. Do đó ly hôn anh Nghĩa yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho anh Nghĩa tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, từ khi chị T bỏ đi cho đến nay cháu Mai do anh Nghĩa chăm sóc nuôi dưỡng, việc tiếp tục giao cháu Mai cho anh Nghĩa nuôi dưỡng sẽ không là ảnh hưởng đến tâm lý cũng như môi trường sống của cháu.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Nghĩa trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về nợ chung: Anh Nghĩa trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu T.

2/. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Mai, sinh ngày 06/12/2016 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Huỳnh Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nghĩa không yêu cầu.

Chị Huỳnh Thị Thu T có quyền được thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : Anh Nghĩa trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộ p theo biên lai thu tiền số 0002312 ngày 02/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó anh N không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An